

Bản án số: 47/2023/HS-ST

Ngày 24/8/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huế
- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Tuấn V, sinh năm 1994 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Hoàng Thị N; có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 321/2023/HSST ngày 28/7/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2023.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2023, sau chuyển tạm giam, hiện tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Thị T – Văn phòng luật sư, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Số 15A đường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- Bị hại: Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số F; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Trung K – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H – Trưởng Phòng Pháp chế; người được ủy quyền lại: Anh Văn Hữu H, sinh năm 1995; địa chỉ: thành phố D, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi liên quan:

1. Anh Đặng Đình V1, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Quận X, thành phố Hà Nội.

2. Anh Hứa Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Thị xã M, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1985; địa chỉ: Thị xã M, tỉnh Hải Dương.

4. Anh Nguyễn Duy B, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Huyện Đ, thành phố Hà Nội.

5. Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

6. Anh Phạm Sỹ V, sinh năm 1986; địa chỉ: Thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

7. Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

8. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1990; địa chỉ: Thị xã M, tỉnh Hải Dương.

9. Anh Thân Văn H, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: Huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

10. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

11. Chị Nguyễn Bích N, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Quận Đ, thành phố Hà Nội.

12. Anh Nguyễn Tiến A, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: Huyện K, tỉnh Hưng Yên.

13. Anh Trần Văn C, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: thành phố Y, tỉnh Hưng Yên.

14. Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: Huyện Q, tỉnh Nghệ An.

15. Anh Chu Xuân K, sinh năm 1987; địa chỉ: Huyện V, tỉnh Hưng Yên.

16. Chị Lê Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Huyện V, tỉnh Hưng Yên.
17. Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: Huyện M, tỉnh Hưng Yên.
18. Anh Lê Hữu P, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Huyện M, tỉnh Hưng Yên.
19. Anh Nguyễn Xuân Hà B, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

(1. Anh Đặng Đình V1, 7. Anh Nguyễn Ngọc D, 17. Anh Nguyễn Duy K có mặt; những người có quyền lợi liên quan khác vắng mặt, trong đó 4. Anh Nguyễn Duy B, 5. Anh Nguyễn Trung K, 6. Anh Phạm Sỹ V, 8. Anh Nguyễn Văn S, 10. Anh Nguyễn Anh T, 11. Chị Nguyễn Bích N, 13. Anh Trần Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Doãn T, anh Phạm Văn H, anh Vũ Tuấn A, ông Đặng Việt T, anh Tạ Duy Q, anh Vũ Văn H, anh Nguyễn Công H, anh Mai Ngọc A, anh Hoàng Công T, anh Nguyễn Văn M, ông Vương Quốc Đ.

(2. Anh Phạm Văn H có mặt; những người làm chứng khác vắng mặt, trong đó 1. Anh Nguyễn Doãn T, 4. Ông Đặng Việt T, 8. Anh Mai Ngọc A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 10/2022 Phạm Tuấn V thuê phòng trọ tại thành phố D, tỉnh Hải Dương để tìm việc làm tại thành phố H và địa bàn các huyện lân cận. Do thường xuyên đi qua cửa hàng F, địa chỉ tại huyện G, tỉnh Hải Dương nên V biết cửa hàng này bán điện thoại, máy tính nhưng ban đêm không có người bảo vệ nên V tìm cách trộm cắp tài sản trong cửa hàng đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sáng ngày 19/12/2022, V điều khiển xe mô tô biển số 34B4-946.14 nhãn hiệu Honda Winner X của V từ phòng trọ đến cửa hàng bán đồ sắt trên đường P, thành phố D (V không nhớ địa chỉ cửa hàng) mua 01 xà cày dài khoảng 80cm đem về phòng trọ mục đích làm dụng cụ cạy phá cửa cuốn. Do biết cửa hàng F và các nhà dân xung quanh có lắp đặt Camera an ninh nên tối ngày 19/12/2022, tại phòng trọ của mình V tháo biển số xe 34B4-946.14 trên xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X của V ra và lắp biển số 99H1-258.68 vào để cơ quan Công an không truy tìm được xe mô tô của V sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (V khai nhận được biển số xe 99H1-258.68 trên đường quốc lộ 5 giáp khu công nghiệp huyện C). Khoảng 02 giờ sáng ngày 20/12/2022, V điều khiển xe mô tô trên mang theo xà cày, balo, túi nilon, áo mưa đi từ phòng

trợ đến cửa hàng F và điều khiển xe mô tô đi qua cửa hàng F nhiều lần để quan sát, tìm cơ hội vào trộm cắp tài sản. Khi thấy trên đường không có người qua lại, V dựng xe mô tô tại vỉa hè trước cửa một nhà dân bên cạnh cửa hàng F, mặc áo mưa, đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm đi đến cửa cuốn phía trước cửa hàng F, V lách xà cây xuống mép dưới cửa cuốn bẩy mạnh tạo ra khe hở rồi luồn tay vào mép dưới cửa cuốn và nâng, kéo mạnh lên trên làm cửa cuốn cong vênh tạo ra khe hở khoảng 50cm. V đưa tay vào bên trong thấy có cửa kính nhưng không khóa nên V mở cửa kính và chui qua khe hở cửa cuốn vào trong cửa hàng mang theo balo để đựng tài sản trộm cắp. V đi đến gian tủ kính để máy tính, điện thoại nhãn hiệu Iphone ở góc tường bên phải theo hướng từ cửa vào, luồn tay vào khe giữa 2 cánh tủ kính rồi kéo mạnh làm chốt khóa cánh tủ bung ra. V lấy 28 điện thoại Iphone nhãn hiệu 11, 13, 14 Pro, 14 Promax, 01 máy tính xách tay Macbook Air và 13 bộ tai nghe trong tủ cho vào balo và túi nilon, rồi chui ra ngoài điều khiển xe mô tô đi về phòng trọ của mình. Trên đường đi về phòng trọ V đã vứt xà cây, áo mưa, mũ bảo hiểm trên bờ đê sông Thái Bình đoạn gần khu đô thị Ecopark, thành phố D. Những ngày sau đó, V mang điện thoại, tai nghe, máy tính xách tay trộm cắp được ở cửa hàng F G đi bán ở nhiều nơi trên địa bàn các tỉnh, thành phố như Hải Dương, Hưng Yên và Hà Nội, kết quả điều tra xác định được V bán 20 điện thoại cho 19 người sau:

Anh Hứa Văn H, sinh năm 1993, địa chỉ: Thị xã M, tỉnh Hải Dương; anh Nguyễn Doãn T, sinh năm 1988, địa chỉ: thị xã M, tỉnh Hải Dương; anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1999, địa chỉ: Thị xã M, tỉnh Hải Dương; anh Phạm Văn H, sinh năm 1999, trú tại: Huyện M, tỉnh Hưng Yên; anh Phạm Sỹ V, sinh năm 1986 và anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1982, đều có địa chỉ tại: Thị xã M, tỉnh Hưng Yên; anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1993, địa chỉ: Thị xã M, tỉnh Hưng Yên; anh Nguyễn Tiến A, sinh năm 1998, địa chỉ: Huyện K, tỉnh Hưng Yên; anh Trần Văn C, sinh năm 1990, địa chỉ: Thành phố Y, tỉnh Hưng Yên; anh Nguyễn Đình C, sinh năm 2000, địa chỉ: Thành phố Y, tỉnh Hưng Yên; anh Chu Xuân K, sinh năm 1987, địa chỉ: Huyện V, tỉnh Hưng Yên; chị Lê Thị H, sinh năm 1989, địa chỉ: Huyện V, tỉnh Hưng Yên; anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1998, địa chỉ: Huyện M, tỉnh Hưng Yên; anh Lê Hữu P, sinh năm 1994, địa chỉ: Huyện M, tỉnh Hưng Yên; anh Đặng Đình V1, sinh năm 1993, địa chỉ: Quận X, thành phố Hà Nội; anh Nguyễn Duy B, sinh năm 1992, địa chỉ: Huyện Đ, thành phố Hà Nội; anh Thân Văn H, sinh năm 1998, địa chỉ: Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; chị Nguyễn Bích N, sinh năm 1981, địa chỉ: Quận Đ, thành phố Hà Nội và anh Nguyễn Xuân Hà B, sinh năm 1992, địa chỉ: Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Tổng số tiền bán 20 điện thoại là 376.900.000 đồng, V đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết nhưng không nhớ trả nợ cho ai và chi tiêu cụ thể vào việc gì; một số người mua điện thoại từ V bán lại điện thoại cho một số người khác. Ngày 17/02/2023, V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Thuận

khai nhận về hành vi trộm cắp điện thoại tại cửa hàng mua bán điện thoại F ở huyện Đ, thành phố Hà Nội và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản tại cửa hàng F G nêu trên, cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Thuận đã ra Quyết định tạm giữ đối với V và bàn giao hồ sơ tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, người bị tạm giữ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, thành phố Hà Nội giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KLGD-HĐ ngày 06/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện G kết luận: Tổng giá trị của 28 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 13 tai nghe và 01 máy tính xách tay Macbook Air tại thời điểm tháng 12/2022 là 845.551.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS-P1 ngày 24/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương (viết tắt là VKS) đã truy tố ra trước Tòa án Phạm Tuấn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phạm Tuấn V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhất trí tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt, tội danh, các tình tiết giảm nhẹ như VKS truy tố. Bị cáo đồng ý trả cho bị hại và những người có quyền lợi liên quan số tiền theo yêu cầu của những người này; đối với anh Nguyễn Duy B, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 32.000.000 đồng. Về vật chứng thì bị cáo không đề nghị nhận lại, nhất trí tịch thu cho tiêu hủy.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ như bản luận tội của VKS. Đề nghị HĐXX xem xét bị cáo không có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo rất ăn năn hối cải nên đã ra đầu thú và khai báo thành khẩn để áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo. Bị cáo hiện không có thu nhập, không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đại diện bị hại vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt cùng một số tài liệu kèm theo; yêu cầu bị cáo bồi thường 271.733.000 đồng là trị giá số tài sản bị chiếm đoạt chưa thu hồi được và 313.818.000 đồng là số tiền chênh lệch giữa giá máy mới 100% tại thời điểm xảy ra sự việc với giá máy cũ của 20 điện thoại đã thu hồi được bán thanh lý cho người mua thông qua hình thức đấu thầu, tổng yêu cầu bồi thường là 585.551.000 đồng.

- Người có quyền lợi liên quan có mặt gồm anh Đặng Đình V1, anh Nguyễn Ngọc D, anh Nguyễn Duy K trình bày đã giao nộp lại điện thoại, yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã dùng để mua điện thoại lần lượt là 13.500.000 đồng, 25.000.000 đồng, 27.000.000 đồng.

- Người làm chứng có mặt anh Phạm Văn H trình bày có mua 01 điện thoại Iphone của người đàn ông không quen biết với giá 26.000.000 đồng, người này đeo khẩu trang nên anh không nhận ra. Chiếc điện thoại này anh đã bán lại cho người khác.

- Đại diện VKS phát biểu lời luận tội: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX: Về tội danh, tuyên bố Phạm Tuấn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt chính, áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt Phạm Tuấn V 13 năm đến 14 năm tù, thời hạn tính từ ngày chấp hành án. Về hình phạt bổ sung, không đề nghị áp dụng. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 589 BLDS, buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho bị hại tổng số tiền 585.551.000 đồng; trả cho 19 người có quyền lợi liên quan gồm anh Đặng Đình V 13.500.000 đồng, anh Hứa Văn H 14.500.000 đồng, anh Nguyễn Đình C 19.500.000 đồng, anh Nguyễn Duy B 32.000.000 đồng, anh Nguyễn Trung K 30.300.000 đồng, anh Phạm Sỹ V 11.000.000 đồng, anh Nguyễn Ngọc D 25.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn S 15.000.000 đồng, anh Thân Văn H 14.500.000 đồng, anh Nguyễn Anh T 14.000.000 đồng, chị Nguyễn Bích N 23.000.000 đồng, anh Nguyễn Tiến A 32.000.000 đồng, anh Trần Văn C 7.000.000 đồng, anh Nguyễn Đình C 6.500.000 đồng, anh Chu Xuân K 15.000.000 đồng, chị Lê Thị H 25.000.000 đồng, anh Nguyễn Duy K 27.000.000 đồng, anh Lê Hữu P 31.000.000 đồng, anh Nguyễn Xuân Hà B 30.000.000 đồng. Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng thu giữ được; truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền bị cáo bán xe máy là phương tiện phạm tội 20.000.000 đồng. Về án phí, Phạm Tuấn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã cơ bản thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai báo, người bào chữa không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[1.2] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Đặng Việt T và anh Nguyễn Anh T cung cấp sau khi ông T giao nộp 01 điện thoại cho cơ quan điều tra, anh T đã trả lại tiền mua điện thoại cho ông T; ông T và anh T yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền mua điện thoại cho anh T. Do đó HĐXX xác định anh T là người có quyền lợi liên quan, ông T là người làm chứng trong vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa, đại diện bị hại, một số người có quyền lợi liên quan và người làm chứng vắng mặt; tuy nhiên những người này đã có lời khai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án nên HĐXX căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng, kết luận giám định cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ ngày 20/12/2022, Phạm Tuấn V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X của V lắp biển số 99H1-258.68 mang theo xà cày, balo, túi nilon đến cửa hàng F, địa chỉ: Huyện G, tỉnh Hải Dương, rồi dùng xà cày cạy phá cửa cuốn của cửa hàng F lấy 28 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 13 tai nghe và 01 máy tính xách tay Macbook Air của Công ty Cổ phần bán lẻ kỹ thuật số F, thành phố Hồ Chí Minh đem đi bán lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Tổng giá trị tài sản V chiếm đoạt là 845.551.000 đồng.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại được định giá là 845.551.000 đồng nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 BLHS. Do đó VKS tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi bị xét xử trong vụ án này, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử về tội Trộm cắp tài sản, tuy nhiên do bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên không áp dụng tình tiết tăng nặng cho bị cáo nhưng đánh giá bị cáo có nhân thân xấu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo cơ bản thành khẩn khai báo; ngày 17/02/2023 bị cáo đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình; có ông nội tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huy hiệu Chiến sỹ Trường Sơn nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác gây thiệt hại nghiêm trọng cho bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hiện nay bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của bị hại 28 điện thoại di động, 13 tai nghe và 01 máy tính xách tay, quá trình điều tra đã thu hồi và trả lại cho bị hại 20 chiếc điện thoại di động, đại diện bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 271.733.000 đồng là giá trị số tài sản bị chiếm đoạt chưa thu hồi được và 313.818.000 đồng là số tiền chênh lệch giữa giá máy mới 100% tại thời điểm xảy ra sự việc với giá máy cũ được bán thanh lý cho người mua thông qua hình thức đấu thầu của 20 điện thoại đã thu hồi, tổng 585.551.000 đồng. Những người mua điện thoại từ bị cáo (hoặc mua lại từ người mua điện thoại của bị cáo) tự nguyện giao nộp lại điện thoại và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã mua điện thoại, cụ thể như sau: Anh Đặng Đình V1 13.500.000 đồng, anh Hứa Văn H 14.500.000 đồng, anh Nguyễn Đình C 19.500.000 đồng, anh Nguyễn Trung K 30.300.000 đồng, anh Phạm Sỹ V 11.000.000 đồng, anh Nguyễn Ngọc D 25.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn S 15.000.000 đồng, anh Thân Văn H 14.500.000 đồng, anh Nguyễn Anh T 14.000.000 đồng, chị Nguyễn Bích N 23.000.000 đồng, anh Nguyễn Tiến A 32.000.000 đồng, anh Trần Văn C 7.000.000 đồng, anh Nguyễn Đình C 6.500.000 đồng, anh Chu Xuân K 15.000.000 đồng, chị Lê Thị H 25.000.000 đồng, anh Nguyễn Duy K 27.000.000 đồng, anh Lê Hữu P 31.000.000 đồng, anh Nguyễn Xuân Hà B 30.000.000 đồng. Đối với anh Nguyễn Duy B, trong giai đoạn điều tra anh Bằng khai mua điện thoại từ anh Mai Ngọc A với giá 32.000.000 đồng và anh Ngọc Anh cũng xác nhận điều này, anh Bằng giao nộp lại điện thoại và yêu cầu bị cáo bồi thường 32.000.000 đồng; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Bằng có đơn yêu cầu tăng tiền bồi thường lên 32.600.000 đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của đại diện bị hại, những người có quyền lợi liên quan còn đối với anh Bằng bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 32.000.000 đồng. Do đó cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 585.551.000 đồng; bồi thường cho 19 người có quyền lợi liên quan số tiền như đã yêu cầu, bồi thường cho anh Bằng 32.000.000 đồng, tổng là 385.800.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

- 01 chốt khóa, 01 dây dù, 01 áo khoác phao hiện đã cũ/hỏng, không còn giá trị sử dụng, bị cáo không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 xe máy bị cáo là phương tiện bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bán cho anh Hoàng Công T, sinh năm 1976, trú tại: 275 Điện Biên Phủ, phường Bình Hàn, thành phố D với giá 20.000.000 đồng, sau đó anh Thành đã bán lại cho người khác (không xác định được nhân thân lai lịch), không thu hồi được chiếc xe trên. Vì vậy cần truy thu của bị cáo số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

[10] Nội dung khác:

[10.1] Đối với các anh Nguyễn Doãn T, Nguyễn Công H, Nguyễn Đình C, Hứa Văn H, Nguyễn Duy B, Mai Ngọc A, Nguyễn Trung K, Vũ Tuấn A, Phạm Văn H, Phạm Văn Vỹ, Nguyễn Ngọc D, Đặng Đình V1, Nguyễn Văn S, Thân Văn H, Nguyễn Anh T, Tạ Quang Duy, Nguyễn Tiến A, Trần Văn C, Nguyễn Đình C, Chu Xuân K, Nguyễn Duy K, Vũ Văn H, Lê Hữu P, Nguyễn Xuân Hà B, ông Đặng Việt T và các chị Nguyễn Bích N, Lê Thị H khi mua và bán điện thoại của V không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét xử lý về tội Chứa chấp hoặc Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[10.2] Đối với anh Hoàng Công T khi mua xe của V, không biết chiếc xe trên V dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố Phạm Tuấn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về điều luật: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.
3. Về hình phạt: Xử phạt Phạm Tuấn V 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.
4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, buộc Phạm Tuấn V bồi thường như sau:
 - 4.1. Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số F 585.551.000 đồng (năm trăm tám mươi lăm triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng);

- 4.2. Anh Đặng Đình V1 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng);
- 4.3. Anh Hứa Văn H 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng);
- 4.4. Anh Nguyễn Đình C 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng);
- 4.5. Anh Nguyễn Duy B 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng);
- 4.6. Anh Nguyễn Trung K 30.300.000 đồng (ba mươi triệu ba trăm nghìn đồng);
- 4.7. Anh Phạm Sỹ V 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng);
- 4.8. Anh Nguyễn Ngọc D 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);
- 4.9. Anh Nguyễn Văn S 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);
- 4.10. Anh Thân Văn H 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng);
- 4.11. Anh Nguyễn Anh T 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng);
- 4.12. Chị Nguyễn Bích N 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng);
- 4.13. Anh Nguyễn Tiến A 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng);
- 4.14. Anh Trần Văn C 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng);
- 4.15. Anh Nguyễn Đình C 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng);
- 4.16. Anh Chu Xuân K 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);
- 4.17. Chị Lê Thị H 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);
- 4.18. Anh Nguyễn Duy K 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng);
- 4.19. Anh Lê Hữu P 31.000.000 đồng (ba mươi một triệu đồng);
- 4.20. Anh Nguyễn Xuân Hà B 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

5.1. Truy thu đối với Phạm Tuấn V 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

5.2. Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 chốt khóa bằng kim loại hình chữ nhật bị gãy chốt;
- 01 dây dù màu đen;
- 01 áo khoác phao màu xanh, có mũ nhãn hiệu Uniqlo.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/7/2023 giữa Công an tỉnh Hải Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương)

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Bị cáo Phạm Tuấn V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 41.140.530 đồng (bốn mươi một triệu một trăm bốn mươi nghìn năm trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Văn phòng CQCSĐT – CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo (qua TTG);
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu: HS, VP, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Đăng Huy